

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

BẢN SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC BAN HÀNH CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NHẪM THÁO GỠ KHÓ KHĂN TRONG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẤP BÁCH TRONG THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VỀ THUẾ VỚI CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ LÝ DO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 7 Điều 3 Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15		
	7. Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một hoặc một số tài sản, có quyền chi phối khách hàng thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản cho cá nhân này; là cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận pháp lý.	7. Chủ sở hữu hưởng lợi là một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát trên thực tế đối với khách hàng, thỏa thuận pháp lý, hoặc thực sự kiểm soát hoặc hưởng lợi từ giao dịch được khách hàng thực hiện thay mặt họ.	Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 27/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam về trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế giao NHNN chủ trì sửa đổi, bổ sung pháp luật PCRT để chuẩn hoá <u>khái niệm, tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo tiêu chuẩn của OECD và FATF</u>. Theo đó, khái niệm “Chủ sở hữu hưởng lợi” được đề xuất sửa đổi để bao gồm đầy đủ nội hàm khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi theo định nghĩa của FATF gồm. Quy định này cũng khắc phục được thiếu hụt mà OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế: “<i>Các tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân chưa dự liệu trường hợp có nhiều chủ sở hữu hưởng lợi. Việc sở hữu hoặc kiểm soát chung không được quy định trong các tiêu chí này, cũng như chưa được xem xét trong thực tiễn áp dụng. Các tiêu chí hiện</i>

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
			<i>hành yêu cầu xác định “người nắm giữ cuối cùng, quyền kiểm soát”, đây là cách tiếp cận mang tính hạn chế và có thể loại trừ các cá nhân tự nhiên thực hiện quyền kiểm soát trên thực tế (de facto) thông qua các phương thức khác”. Đồng thời, các yêu cầu chi tiết của FATF và OECD về nội dung này được xử lý tại các nội dung sửa đổi Nghị định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền và định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.</i>
2	Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền		
	Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng Đối tượng báo cáo phải thu thập các thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm: 1. Thông tin nhận dạng khách hàng, kể cả thông tin về người đại diện của khách hàng cá nhân (nếu có): ... 2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm thông tin nhận dạng khách hàng tương ứng quy định tại các điểm a, b, c, d hoặc đ khoản 1 Điều này. Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết, cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí	Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng ...	

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	xác định chủ sở hữu hưởng lợi; 3. Mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo.	4. Ngoài các thông tin nhận biết khách hàng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, đối tượng báo cáo thu thập các thông tin khác trong một số trường hợp cụ thể sau: a) Khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác, đối tượng báo cáo thu thập các thông tin gồm: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (đối với tổ chức nhận ủy thác) hoặc tên người nhận ủy thác (đối với cá nhân nhận ủy thác); địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức nhận ủy thác, địa chỉ quốc tịch đối với cá nhân nhận ủy thác; thông tin đăng ký/cấp phép do cơ quan thẩm quyền nước ngoài cấp đối với bên nhận ủy thác (nếu có); cơ cấu sở hữu của ủy thác; thông tin về tên, số định danh về bên ủy thác, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác, người có liên quan khác (nếu có). Khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất	Theo quy định tại tiêu chí 10.8, 10.9, 10.11 thuộc Khuyến nghị 10 về Nhận biết khách hàng của FATF, đối tượng báo cáo phải thực hiện thu thập, cập nhật, xác minh, lưu trữ thông tin nhận biết khách hàng là bên tham gia thỏa thuận pháp lý. Việc thu thập, cập nhật, xác minh, lưu trữ thông tin thỏa thuận pháp lý cũng là yêu cầu của OCED để đảm bảo tính sẵn có của thông tin này phục vụ mục đích cung cấp thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế. Hiện nay, theo đánh giá của Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG), Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền chưa quy định trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong nhận biết thông tin khách hàng khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý. Do đó, cần bổ sung trách nhiệm của đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin của thỏa thuận pháp lý khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý để đáp ứng yêu cầu của FATF và OECD.

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
		<i>tương tự ủy thác, đối tượng báo cáo thu thập thông tin đối với tất cả các bên giữ vai trò tương đương với hình thức ủy thác nêu trên;</i> <i>b) Đối tượng báo cáo xác định và thu thập thông tin về người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ ngay khi người thụ hưởng được chỉ định bởi bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm.</i> <i>Trong trường hợp người thụ hưởng là cá nhân hoặc pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, thông tin thu thập bao gồm họ và tên hoặc tên giao dịch đầy đủ của người thụ hưởng.</i> <i>Trong trường hợp bảo hiểm nhóm, thông tin thu thập gồm giấy tờ tùy thân, tài liệu chứng minh quan hệ với người được bảo hiểm của người thụ hưởng và các tài liệu cần thiết khác cho phép đối tượng báo cáo có thể xác định được người thụ hưởng ở thời điểm chi trả.</i> <i>Việc xác minh thông tin về người thụ hưởng phải được thực hiện tại thời điểm chi trả.</i>	
2	Khoản 1 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền		

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	Điều 12. Xác minh thông tin nhận biết khách hàng 1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm: a) Đối với khách hàng cá nhân: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp; b) Đối với khách hàng tổ chức: giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); điều lệ của tổ chức; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có); các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi.	Điều 12. Xác minh thông tin nhận biết khách hàng 1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm: a) Đối với khách hàng cá nhân: <i>Căn cước, Căn cước điện tử</i>, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp, <i>văn bản chứng minh tư cách đại diện (nếu có)</i>; b) Đối với khách hàng tổ chức: giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; <i>tài khoản định danh điện tử</i>, quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); điều lệ của tổ chức <i>(nếu có)</i>; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có); các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật, <i>người đại diện theo ủy quyền</i> của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi. <i>c) Đối với khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý: Văn bản thành lập thỏa thuận pháp lý (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan đến việc thành lập thỏa</i>	1. Điều chỉnh thông tin về tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng phù hợp với pháp luật hiện hành và đảm bảo rõ ràng trong thực hiện. 2. Bổ sung ”văn bản chứng minh tư cách đại diện (nếu có)” nhằm giải quyết thiếu hụt tại tiêu chí 10.4 Khuyến nghị của FATF về trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện giao dịch thay mặt khách hàng đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015. 3. Bổ sung tài liệu xác minh đối với khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý thống nhất với nội dung bổ sung tại khoản 4 Điều 10 dự thảo Luật.

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
		<i>thuận pháp lý (nếu có).</i> d) Các tài liệu, dữ liệu và nguồn thông tin đáng tin cậy khác có liên quan.	
	Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền		
	Điều 22. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý 1. Bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý có trách nhiệm sau đây: a) Thu thập, cập nhật các thông tin nhận dạng về bên ủy thác, bên nhận ủy thác, người thụ hưởng, các bên có liên quan (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác. Các thông tin này phải được lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ thời điểm bên nhận ủy thác ngừng tham gia vào hoạt động ủy thác; b) Cung cấp các thông tin quy định tại điểm a khoản này cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; cho tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan trong quá trình thiết lập và duy trì mối quan hệ khách hàng với tổ chức, cá nhân này liên quan đến tài sản được ủy thác khi được	Điều 22. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý 1. <i>Bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác có trách nhiệm thu thập, cập nhật các thông tin nhận dạng về bên ủy thác, bên nhận ủy thác, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có), các đại lý hoặc nhà cung cấp dịch vụ được quản lý khác, cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác, các bên có liên quan khác (nếu có).</i> <i>Trường hợp các bên có liên quan trong thỏa thuận pháp lý nêu trên là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, thông tin thu thập, cập nhật bao gồm các thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý đó.</i> 2. Bên giữ vai trò tương đương với vai trò bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương	Tính sẵn có của thông tin của thỏa thuận pháp lý là một trong những yêu cầu của OECD để phục vụ mục đích cung cấp thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế và là yêu cầu của FATF trong minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý. Theo đó, cần sửa đổi quy định của Điều 22. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý như sau: - Bổ sung quy định về trách nhiệm của người giữ vai trò tương đương với vai trò người nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý tương tự có trách nhiệm thu thập, cập nhật, xác minh các thông tin nhận dạng đối với các bên giữ vai trò tương đương như đối với hình thức ủy thác. - Bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 về trách nhiệm của bên nhận ủy thác phải cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền vì trùng lặp quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 và bỏ quy định về trách nhiệm của bên nhận ủy thác phải cung cấp thông tin cho tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan trong quá trình thiết lập và duy trì mối quan hệ vì trùng lặp quy định đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 tại dự thảo này. - Ngoài ra, dự thảo sửa đổi, bổ sung một số trường thông tin cần thu thập về các bên liên quan trong thỏa thuận pháp

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	yêu cầu. 2. Khi thực hiện nhận biết khách hàng là bên nhận ủy thác, tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan được quyền yêu cầu bên nhận ủy thác cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và văn bản ủy thác. 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, thực hiện điều tra, truy tố, xét xử có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	<i>tự ủy thác có trách nhiệm thu thập, cập nhật các thông tin nhận dạng đối với các bên giữ vai trò tương đương như đối với hình thức ủy thác nêu tại khoản 1 Điều này.</i> <i>Trường hợp các bên có liên quan trong thoả thuận pháp lý tương tự là pháp nhân hoặc thoả thuận pháp lý, thông tin thu thập, cập nhật bao gồm các thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân hoặc thoả thuận pháp lý đó.</i> <i>3. Các thông tin quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải được lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ thời điểm bên nhận ủy thác hoặc bên giữ vai trò tương đương ngừng tham gia vào hoạt động thoả thuận pháp lý;</i> 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, thực hiện điều tra, truy tố, xét xử có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.	lý tại khoản 1, khoản 2 dự thảo sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu Tiêu chí 25.4, 25.5, 25.6, 25.7, 25.8, gồm: thông tin về “nhóm người thụ hưởng, người có quyền hạn liên quan, người giám sát (nếu có), các đại lý hoặc nhà cung cấp dịch vụ được quản lý khác” và “Trường hợp các bên liên quan trong thoả thuận pháp lý nêu trên là pháp nhân hoặc thoả thuận pháp lý, thông tin thu thập, cập nhật bao gồm các thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của các pháp nhân hoặc thoả thuận pháp lý đó”.
2	Điều 7. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi tại Nghị định 19/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống		

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	rửa tiền		
	1. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là cá nhân như sau: a) Trường hợp khách hàng mở tài khoản, đối tượng báo cáo xác định cá nhân sở hữu thực tế một tài khoản hoặc chi phối hoạt động của tài khoản đó; b) Trường hợp khách hàng thiết lập mối quan hệ với đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo xác định cá nhân thiết lập mối quan hệ và thực tế chi phối mối quan hệ đó.	1. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là cá nhân <u>được xác định</u> như sau: a) Trường hợp khách hàng mở tài khoản, đối tượng báo cáo xác định một hoặc nhiều cá nhân sở hữu thực tế tài khoản <i>và/hoặc</i> chi phối hoạt động của tài khoản đó; b) Trường hợp khách hàng thiết lập mối quan hệ <i>hoặc thực hiện giao dịch</i> với đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo xác định <i>một hoặc nhiều</i> cá nhân <i>thực tế chi phối mỗi quan hệ, giao dịch đó</i>.	- Bổ sung cụm từ “một hoặc nhiều” vào trước cụm từ “cá nhân” tại điểm a, b khoản 1 đề: (i) Khắc phục thiếu hụt mà Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế của OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế: “<i>Các tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân chưa dự liệu trường hợp có nhiều chủ sở hữu hưởng lợi....</i>”; (ii) Đáp ứng định nghĩa về Chủ sở hữu hưởng lợi theo Khuyến nghị của FATF “<i>...Chỉ cá nhân mới có thể là chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng, và một pháp nhân có thể có nhiều hơn một cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng...</i>” - Đối với điểm b, bổ sung cụm từ “hoặc thực hiện giao dịch” sau cụm từ “thiết lập mối quan hệ” và bổ sung cụm từ “giao dịch” sau cụm từ “thực tế chi phối mối quan hệ” để đảm bảo đáp ứng định nghĩa chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân theo Khuyến nghị của FATF: “<i>Đối với pháp nhân, chủ sở hữu hưởng lợi là (các) cá nhân thực tế nắm quyền sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng đối với một khách hàng và/hoặc cá nhân mà giao dịch được thực hiện thay mặt cho họ ...</i>”
	2. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là tổ chức như sau: a) Đối tượng báo cáo xác định cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức đó hoặc cá nhân cuối	2. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là tổ chức <u>được xác định</u> như sau: a. Một hoặc nhiều <i>Cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc kết hợp cả</i> vừa trực tiếp và gián tiếp trên thực tế sở hữu từ 25% vốn điều lệ <i>hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của</i>	- Sửa đổi điểm a khoản 2 : + Bổ sung quy định đề: (i) Khắc phục thiếu hụt mà Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế của OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế: “<i>Các tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân chưa dự liệu trường hợp có nhiều chủ sở hữu hưởng</i>

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	cùng có quyền chi phối đối với khách hàng là tổ chức; b) Trường hợp không xác định được cá nhân theo quy định tại điểm a khoản này, đối tượng báo cáo xác định ít nhất một người đại diện theo pháp luật của tổ chức, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức; c) Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân được công bố đó.	khách hàng. <i>Cá nhân sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng thông qua tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý khác.</i> <i>Trường hợp nhóm nhieu cá nhân có liên quan đến nhau thông qua mối quan hệ nhân thân hoặc hợp đồng có tổng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc kết hợp cả <u>vừa</u> trực tiếp và gián tiếp trên thực tế từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng, đối tượng báo cáo xác định và xác minh nhóm cá nhân này là chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng.</i> <i>Trong quá trình xác định chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng, đối tượng báo cáo cần rà soát từng lớp sở hữu trong các chuỗi sở hữu trong cấu trúc sở hữu của khách hàng cho đến khi xác định được <u>các</u> cá nhân cuối cùng nắm giữ từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng.</i> <i>b. Khi không xác định được cá nhân theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc khi có nghi ngờ các cá nhân đã được xác định theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này không phải là Chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng, đối tượng báo</i>	<i>lợi....”; (ii) Đáp ứng định nghĩa về Chủ sở hữu hưởng lợi theo Khuyến nghị của FATF “...Chỉ cá nhân mới có thể là chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng, và một pháp nhân có thể có nhiều hơn một cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng...”.</i> + Bổ sung quy định về cách thức xác định chủ sở hữu gián tiếp để khắc phục thiếu hụt mà Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế của OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế: “Mặc dù pháp luật yêu cầu xác định đầy đủ tất cả các bên liên quan, nhưng cách tiếp cận “xuyên suốt” (look-through) chưa được quy định cụ thể. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc xác định chính xác chủ sở hữu hưởng lợi của các quỹ tín thác nước ngoài có người được ủy thác là cư dân Việt Nam, các artel, cũng như các pháp nhân Việt Nam có thỏa thuận pháp lý trong cơ cấu sở hữu của mình”. + Bổ sung quy định về sở hữu hoặc kiểm soát chung để khắc phục thiếu hụt mà Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế của OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế: “...Việc sở hữu hoặc kiểm soát chung không được quy định trong các tiêu chí này, cũng như chưa được xem xét trong thực tiễn áp dụng. Các tiêu chí hiện hành yêu cầu xác định “người nắm giữ cuối cùng quyền kiểm soát”, đây là cách tiếp cận mang tính hạn chế và có thể loại trừ các cá nhân tự nhiên thực hiện quyền kiểm soát trên thực tế (de facto) thông qua các phương thức khác”. - Sửa đổi điểm b khoản 2:

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
		<i>cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là một hoặc nhiều cá nhân thực sự chi phối tổ chức đó thông qua ít nhất một trong các quyền sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, các cơ quan quản trị, điều hành khác của tổ chức; sửa đổi, bổ sung điều lệ của tổ chức; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của tổ chức; tổ chức lại, giải thể tổ chức.</i> <i>c. Khi không có cá nhân nào được xác định theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều này, đối tượng báo cáo xác định cá nhân giữ vị trí quản lý cấp cao có quyền quản lý, điều hành hoặc kiểm soát hoạt động của tổ chức, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức.</i> <i>d. Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân được công bố đó.</i>	+ Bổ sung cụm từ “Khi không xác định được cá nhân theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc khi có nghi ngờ các cá nhân đã được xác định theo tiêu chí tại khoản 2 Điều này không phải là Chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng” để việc xác định Chủ sở hữu hưởng lợi được thực hiện theo các bước theo phương pháp luận của FATF (Cascading). + Sửa đổi, bổ sung các “quyền chi phối” để đảm bảo bao quát rộng nhất các chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức (không chỉ các pháp nhân thương mại mà còn các pháp nhân phi thương mại theo yêu cầu của FATF). + Sửa đổi điểm c khoản 2 đề: (i) Việc xác định Chủ sở hữu hưởng lợi được thực hiện theo các bước theo phương pháp luận của FATF (Cascading); (ii) Khắc phục thiếu hụt mà Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế của OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế: “Cơ chế “dự phòng” (back-stop) theo đó xác định người đại diện theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp không xác định được bất kỳ chủ sở hữu hưởng lợi nào. Cách tiếp cận này chưa phù hợp với Tiêu chuẩn, vốn chỉ cho phép áp dụng cơ chế dự phòng khi không có thể nhân nào đáp ứng tiêu chí về “quyền sở hữu” hoặc “quyền kiểm soát”, đồng thời người đại diện theo pháp luật không phải lúc nào cũng là cán bộ quản lý cấp cao”.

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	3. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với thỏa thuận pháp lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền.	3. Trường hợp khách hàng là bên tham gia thỏa thuận pháp lý, đối tượng báo cáo xác định eChủ sở hữu hưởng lợi đối với thỏa thuận pháp lý được xác định như sau: <i>a. Đối với thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác, chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm: người ủy thác, người nhận ủy thác, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có) và cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác.</i> <i>b. Đối với thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác, chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm những người giữ vai trò tương đương như đối với hình thức ủy thác nêu tại điểm a khoản 3 Điều này.</i> <i>c. Trường hợp các bên có liên quan trong thỏa thuận pháp lý là pháp nhân, đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân đó.</i> 4. Đối tượng báo cáo xác định eChủ sở hữu hưởng lợi đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.	Việc sửa đổi khoản 3 điều này để khắc phục thiếu hụt theo Khuyến nghị của FATF và thiếu hụt mà Diễn đàn toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế của OECD chỉ ra tại Báo cáo rà soát đồng cấp về Minh bạch và trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế, cụ thể như sau: - Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 để bao quát tất cả các chủ sở hữu hưởng lợi của thỏa thuận pháp lý theo định nghĩa của FATF. - Bổ sung điểm b vào khoản 3 để bao quát chủ sở hữu hưởng lợi của các thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác (đã quy định tại điểm a) theo quy định của FATF về “những người giữ vị trí tương đương trong các thiết chế pháp lý tương tự”.. - Bổ sung điểm c vào khoản 3 để: (i) Đáp ứng Khuyến nghị của FATF “<i>Khi bên nhận ủy thác và bất kỳ bên nào khác tham gia thỏa thuận pháp lý là một pháp nhân, thì chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân đó phải được xác định</i>”; (ii) Khắc phục thiếu hụt mà OECD chỉ ra: “<i>Mặc dù pháp luật yêu cầu xác định đầy đủ tất cả các bên liên quan, nhưng cách tiếp cận “xuyên suốt” (look-through) chưa được quy định cụ thể. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc xác định chính xác chủ sở hữu hưởng lợi của các quỹ tín thác nước ngoài có người được ủy thác là cư dân Việt Nam, các artel, cũng như các pháp nhân Việt Nam có thỏa thuận pháp lý</i>

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
			<i>trong cơ cấu sở hữu của mình”.</i>
	4. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.	5. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.	Sửa số thứ tự “4” thành “5”
3	Điều 4. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền tại Thông tư số 27/2025/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền		
	Điều 4. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền 1. Căn cứ kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, đối tượng báo cáo xây dựng và ban hành quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền phải được người quản lý cấp cao có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của đối tượng báo cáo hoặc người được người quản lý cấp cao có thẩm quyền ủy quyền phê duyệt và thể hiện theo từng bước phù		

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	hợp với quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo để quản lý rủi ro về rửa tiền. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền bao gồm các nội dung tối thiểu sau: ... c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro;	c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro. <i>Việc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro rửa tiền được thực hiện ngay hoặc không quá 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận biết khách hàng theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền.</i>	Hiện nay do chưa có quy định cụ thể về thời điểm đối tượng báo cáo phải thực hiện phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro nên mỗi đối tượng báo cáo tự triển khai thực hiện theo những thời điểm khác nhau. Do đó, cần bổ sung quy định cụ thể về thời điểm đối tượng báo cáo phải thực hiện phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro để có căn cứ cho đối tượng báo cáo thống nhất triển khai hoạt động này trên thực tế và đảm bảo nguyên tắc thống nhất cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra.
	2. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, sau lần đầu thiết lập quan hệ với khách hàng, khi áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo cáo được lựa chọn áp		Bổ sung quy định cụ thể về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng tương ứng với mức độ rủi ro để khắc phục thiếu hụt tại tiêu chí 10.7 của Khuyến nghị 10 về Nhận biết khách hàng của FATF. Tiêu chí 10.7 đang được

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	dùng một hoặc tất cả các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ sau: ... b) Giảm tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình;	b) Giảm Tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình; tối thiểu 3 năm/lần hoặc khi có rủi ro mới phát sinh;	đánh giá là Đáp ứng một phần do chưa rõ phạm vi của việc “thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách hàng”. Mặt khác, qua công tác kiểm tra tại chỗ, nhận thấy quy định về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng do các đối tượng báo cáo tự xây dựng không đồng đều giữa các đối tượng báo cáo và chưa tương xứng với mức độ rủi ro về rửa tiền. Đồng thời, nội dung này đáp ứng cam kết trong OECD về việc cân có thời hạn cụ thể về cập nhật thông tin chủ sở hữu hưởng lợi (thuộc thông tin nhận biết khách hàng).
		d) <i>Phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng tăng cường trong trường hợp có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc trùng với kịch bản hoặc tình huống rủi ro cao nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo xác định.</i>	Bổ sung quy định cụ thể về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng tương ứng với mức độ rủi ro để khắc phục thiếu hụt tại tiêu chí 10.7 của Khuyến nghị 10 về Nhận biết khách hàng của FATF. Tiêu chí 10.7 đang được đánh giá là Đáp ứng một phần do chưa rõ phạm vi của việc “thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách hàng”. Mặt khác, qua công tác kiểm tra tại chỗ, nhận thấy quy định về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng do các đối tượng báo cáo tự xây dựng không đồng đều giữa các đối tượng báo cáo và chưa tương xứng với mức độ rủi ro về rửa tiền. Đồng thời, nội dung này đáp ứng cam kết trong OECD về việc cân có thời hạn cụ thể về cập nhật thông tin chủ sở hữu hưởng lợi (thuộc thông tin nhận biết khách hàng).
	4. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định	4. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng,	Bổ sung quy định cụ thể về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng tương ứng với mức độ rủi ro để khắc phục thiếu hụt tại tiêu chí 10.7 của Khuyến nghị 10 về Nhận biết khách hàng của FATF. Tiêu chí 10.7 đang được đánh giá là Đáp ứng một phần do chưa rõ phạm vi của việc “thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
	chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.	chống rửa tiền, <i>tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng tối thiểu 2 năm/lần hoặc khi có rủi ro mới phát sinh.</i>	hàng”. Mặt khác, qua công tác kiểm tra tại chỗ, nhận thấy quy định về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng do các đối tượng báo cáo tự xây dựng không đồng đều giữa các đối tượng báo cáo và chưa tương xứng với mức độ rủi ro về rửa tiền. Đồng thời, nội dung này đáp ứng cam kết trong OECD về việc cần có thời hạn cụ thể về cập nhật thông tin chủ sở hữu hưởng lợi (thuộc thông tin nhận biết khách hàng).
	5. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao, ngoài việc áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp tăng cường, bao gồm: ... e) Tăng tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình.	e) Tăng Tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình <i>tối thiểu 1 năm/lần hoặc khi có rủi ro mới phát sinh.</i>	Bổ sung quy định cụ thể về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng tương ứng với mức độ rủi ro để khắc phục thiếu hụt tại tiêu chí 10.7 của Khuyến nghị 10 về Nhận biết khách hàng của FATF. Tiêu chí 10.7 đang được đánh giá là Đáp ứng một phần do chưa rõ phạm vi của việc “thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách hàng”. Đồng thời, qua công tác kiểm tra tại chỗ, Đoàn kiểm tra nhận thấy quy định về tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng do các đối tượng báo cáo tự xây dựng không đồng đều giữa các đối tượng báo cáo và chưa tương xứng với mức độ rủi ro về rửa tiền. Đồng thời, nội dung này đáp ứng cam kết trong OECD về việc cần có thời hạn cụ thể về cập nhật thông tin chủ sở hữu hưởng lợi (thuộc thông tin nhận biết khách hàng).
		<i>g) Thông tin người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là một trong các yếu tố rà soát, xác định việc áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng tăng cường. Trong trường hợp, người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý có rủi ro</i>	Sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng các thiếu hụt được chỉ ra tại tiêu chí 10.13 của Khuyến nghị số 10 về Nhận biết khách hàng của FATF. Tiêu chí 10.13 đang được đánh giá Đáp ứng một phần, do quy định hiện nay chưa có yêu cầu đưa người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vào như một yếu tố rủi ro liên quan khi xác định việc áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng tăng cường. Ngoài ra,

STT	Quy định hiện hành	Quy định tại dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung
		<i>cao thì đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp nhận biết khách hàng tăng cường, thích hợp để nhận dạng và xác minh thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của người thụ hưởng tại thời điểm chi trả.</i>	trong trường hợp người thụ hưởng là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, không có yêu cầu áp dụng các biện pháp tăng cường, bao gồm các biện pháp hợp lý để nhận dạng và xác minh danh tính của chủ sở hữu hưởng lợi của người thụ hưởng tại thời điểm chi trả.